TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/DS-ST
Ngày 07/3/2022
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Quốc H**
Địa chỉ: Thôn Ia, xã N, huyện G, tỉnh G (có mặt).
2. *Bị đơn*: Ông **Đỗ Hoàng M** và bà **Hoàng Thị Q**
Địa chỉ: ThônV, xã Ia, huyện G, tỉnh G
Ông M có mặt, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày: Ngày 03/3/2018 ông Đỗ Hồng M cùng vợ là bà Hoàng Thị Q có vay của ông số tiền 100.000.000đ hẹn đến ngày 31/12/2018 sẽ trả. Ngày 23/01/2020 ông M và bà Q viết giấy nợ ông 100.000.000đ tiền gốc và 38.000.000đ tiền lãi, đồng thời hẹn đến ngày 13/02/2020 sẽ trả đủ nhưng đến hẹn họ vẫn không chịu trả cho ông. Ngày 09/3/2021 ông M và bà Q tiếp tục viết giấy nhận nợ số tiền 100.000.000đ, đồng thời có thế chấp cho ông một bản hợp đồng giao nhận khoán cà phê. Đã nhiều lần ông đến nhà yêu cầu ông M và bà Q trả tiền nợ gốc

và lãi như đã cam kết nhưng họ vẫn không trả cho ông. Nay ông yêu cầu ông M và bà Q liên đới trả cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi chậm trả từ ngày 14/02/2020 cho đến khi Toà án xét xử vụ án.

Tại biên bản hoà giải ngày 24/12/2021 và tại phiên toà ông Đỗ Hồng M trình bày: Từ ngày 03/3/2018 vợ chồng ông có vay của ông H số tiền 100.000.000đ và hẹn đến ngày 31/12/2020 sẽ trả. Tuy nhiên đến hạn do hoàn cảnh khó khăn nên cũng không có để trả cho ông H. Ngày 23/01/2020 vợ chồng ông tiếp tục viết giấy nhận nợ số tiền gốc 100.000.000đ và nợ lãi là 38.000.000đ hẹn đến ngày 13/02/2020 sẽ trả. Tuy nhiên khi đến hạn vợ chồng ông cũng không có, do đó ngày 09/3/2021 vợ chồng ông có thế chấp cho ông Hoàng 01 bản hợp đồng giao nhận khoán vườn cà phê để làm tin. Từ khi thế chấp bản hợp đồng ông Hoành đi đòi vợ chồng ông nhiều lần nhưng cũng vì điều kiện quá khó khăn nên cũng chưa có để trả. Nay ông H kiện vợ chồng ông yêu cầu trả số nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 14/02/2020 đến nay thì ông cũng chấp nhận, nhưng hiện tại không có tiền để trả cho ông Hoành.

Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng để bị đơn bà Hoàng Thị Q thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Do vậy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn bà Hoàng Thị Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện: Ngày 03/3/2018 bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, hẹn đến ngày 31/12/2018 sẽ trả. Đến hẹn bị đơn không có tiền để trả nên ngày 23/01/2021 các đương sự đã thống nhất bị đơn nợ nguyên đơn 100.000.000đ tiền gốc và 38.000.000đ tiền lãi, đồng thời bị đơn cũng cam kết đến ngày 13/02/2021 sẽ trả đủ gốc và lãi cho nguyên đơn. Ngày 09/3/2021 bị đơn có giao cho nguyên đơn một bản hợp đồng giao nhận khoán cà phê để làm tin. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn đi đòi nhiều lần nhưng bị đơn cũng không trả, đồng thời nguyên đơn phát hiện vờn cà phê nhận giao khoán bị đơn đã chuyển nhượng cho người khác. Như vậy đã nhiều lần bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu trách nhiệm đối với nguyên đơn theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi: Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông Đỗ Hồng Mạnh chấp nhận trả tiền lãi theo mức 10%/năm trên số nợ gốc kể từ ngày 14/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/3/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả là 100.000.000đ x 10%/năm x (14/02/2020 đến 07/3/2022) = 20.630.136đ.

Tổng cộng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000đ + 20.630.136đ = 120.630.136đ

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là 120.630.136đ x 5% = 6.031.506đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 288, 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Buộc ông Đỗ Hồng M và bà Hoàng Thị Q phải liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc H 100.000.000đ tiền nợ gốc và 20.630.136đ tiền lãi, tổng cộng là **120.630.136đ** *(một trăm hai mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi sáu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đỗ Hồng M và bà Hoàng Thị Q phải chịu **6. 031.506đ** *(sáu triệu không trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm lẻ sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Quốc H số tiền tạm nộp án phí là **4.050.000đ** *(bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 00108270 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H và bị đơn ông Đỗ Hồng M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Hoàng Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân – Thẩm phán Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lan Nguyễn Thị Mý Đặng Chí Công